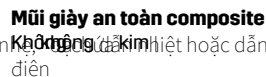
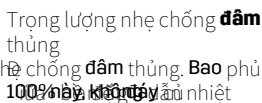
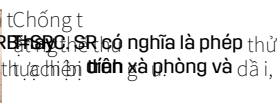


LIGHTSTAR S1PS

Giày an toàn nh **ư** **mái vàng** i **ê** **không** **chứa** **kim** l

LIGHTSTAR S1PS là đôi giày an toàn mang tính độ t phá, mang khả năng bảo vệ Thép và sọt cho mỗi kô ráo và b ề mặt không bấn g phần hàng mũ giày an toàn không như là chừ ố đn g t

Những vật liệu cao cấp hơn	đồng hợp, D
lót bên trong	thép
trong	Đ
lưỡi	để g
ngoài	Đ
u	Đứng đã
i	Loại
	Phạm vi kích thước
ng lượng	thép
ấn	hầu chu



Biên tập, lĩnh vực công nghệ, Ngành công nghệ thông tin, h

ường: **Môi** t
rư ờn **môi** khô, b ề mặt **không** bắ n g phắ n g

áo dài tay dài, chúng tôi khuyên bạn nên vẽ sinh giản thứ ờn g xuyên và bảo vệ chúng bằng cách phủ hồ nước trên lớp

Sự miêu tả	Đơn vị đo lường	Đầu tiên	K	EN ISO 20345
Nhiệm vụ vật liệu Tổ chức máy , D cao cấp hơn				
ót bên trong	Top: khả năng thấm nước Top: liên kết nước i thép Lưu ở Lốp lót: thấm nước lót: liên kết nước	iờ mg/cm/g mg/cm ² iờ mg/cm/g mg/cm ²	33.2 265.5 86.31 691	? 0.8 ? 15 ? 2 ? 20
rong	Đồ p SJ để ệ m chân đế ổ n g mài mòn (khô/ướt) (chu kỳ)	chu kỳ	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles	25600/12800
goài	Đ EVA / Cao su Chống mài mòn ngoài (Chịu được gọt mòn - Ceramic + NaLS - Trượt gót ở phía t rư Cốt cứng bằng Gổ m + NaLS - Trượt lồi ở phía t rư Cốt SR mềm Gổ t m + Glycerin - Trượt rớt gót phía t Chịu được SR Gổ ố m + Glycerin - Trượt rớt ở phía t rịch ố Giá trị điện rị ESD Giá trị Hấp thụ năng lượng gót chân	mm ma sát ma sát ma sát ma sát megaohm megaohm J	102.2 0.49 0.46 0.36 0.34 68.0 21 33	? 150 ? 0.31 ? 0.36 ? 0.19 ? 0.22 0.1 - 1000 0.1 - 100 ? 20
Đỡ n g Đắt	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J) Nắp mũi ch ố n g nén (khe hở sau khi nén 10kN) Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J) Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản gh ở sau khi nén 15kN)	mm mm mm mm	N/A N/A 15.5 22.0	N/A N/A ? 14 ? 14

kích thước thép:

a chuỗi không có thể thay thế nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không báo bằng văn bản tới